

NỘI DUNG
Tuyên truyền phổ biến pháp luật
Tháng 03/2024

Các văn bản tuyên truyền:

- Nghị định 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình
- Luật số 44/2019/QH14 Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Nội dung tuyên truyền:

1. Nghị định 76/2023/NĐ-CP

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Hành vi bạo lực gia đình áp dụng giữa người đã ly hôn

Điều 3. Hành vi bạo lực gia đình áp dụng đối với người chung sống như vợ chồng

Điều 4. Hành vi bạo lực gia đình áp dụng đối với người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng

Điều 5. Hành vi bạo lực gia đình áp dụng đối với người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi

Điều 6. Bảo vệ, giữ bí mật thông tin khi tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình

Chương II: TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TIN BÁO, TỐ GIÁC VỀ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 7. Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 8. Nhiệm vụ của Tổng đài

Điều 9. Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua Tổng đài

Điều 10. Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình qua địa chỉ quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 19 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình trong việc xử lý tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình

Điều 12. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam

Điều 13. Dịch vụ tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình cho người bị bạo lực gia đình

Chương III: CẤM TIẾP XÚC THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 14. Nguyên tắc khi cấm tiếp xúc

Điều 15. Các trường hợp đề nghị cấm tiếp xúc

Điều 16. Hình thức và đơn đề nghị cấm tiếp xúc

Điều 17. Quyết định cấm tiếp xúc

Điều 18. Tiếp xúc trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc

Điều 19. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc

Điều 20. Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc

Điều 21. Quyền lựa chọn chỗ ở trong thời gian cấm tiếp xúc

Chương IV: CƠ SỞ KHÁC THAM GIA TRỢ GIÚP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH; CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỢ GIÚP PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 22. Nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 23. Đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động của cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 24. Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 25. Thẩm quyền tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 26. Nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 27. Yêu cầu về cơ sở vật chất và địa điểm đối với cơ sở cung cấp nơi tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

Điều 28. Cấp lần đầu giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 29. Cấp lại và cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 30. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

Chương V: CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 31. Bố trí, dự toán ngân sách nhà nước

Điều 32. Quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước

Điều 33. Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục

Điều 34. Chi tổ chức thi tìm hiểu về phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 35. Chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 36. Chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 37. Chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

Điều 38. Chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình

Điều 39. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

Điều 40. Chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng

Điều 41. Chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết

2. Luật số 44/2019/QH14 Phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống tác hại của rượu, bia

Chương II: BIỆN PHÁP GIẢM MỨC TIÊU THỤ RƯỢU, BIA

Điều 6. Mục đích, yêu cầu trong thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 7. Nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 8. Hình thức thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 9. Trách nhiệm trong thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 10. Địa điểm không uống rượu, bia

Điều 11. Quản lý việc khuyến mại rượu, bia có độ cồn dưới 15 độ

Điều 12. Quản lý việc quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ

Điều 13. Quản lý việc quảng cáo rượu có độ cồn từ 5,5 độ đến dưới 15 độ và bia có độ cồn từ 5,5 độ trở lên

Điều 14. Quản lý việc tài trợ của tổ chức, cá nhân kinh doanh rượu, bia

Chương III: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VIỆC CUNG CẤP RƯỢU, BIA

Điều 15. Quản lý kinh doanh rượu

Điều 16. Điều kiện bán rượu, bia theo hình thức thương mại điện tử

Điều 17. Biện pháp quản lý đối với sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh

Điều 18. Bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm đối với rượu, bia

Điều 19. Địa điểm không bán rượu, bia

Điều 20. Phòng ngừa và xử lý rượu, bia giả, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; rượu, bia nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ

Chương IV: BIỆN PHÁP GIẢM TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA

Điều 21. Phòng ngừa tai nạn giao thông liên quan đến sử dụng rượu, bia

Điều 22. Phòng ngừa, can thiệp và giảm tác hại của việc uống rượu, bia đối với sức khỏe

Điều 23. Tư vấn về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 24. Biện pháp phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng

Điều 25. Chăm sóc, hỗ trợ, bảo vệ trẻ em, phụ nữ và các đối tượng yếu thế khác để phòng ngừa, giảm tác hại của rượu, bia

Chương V: ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA

Điều 26. Kinh phí cho hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 27. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 28. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Chương VI: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA

Điều 29. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 30. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 31. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội

Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia

Điều 33. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia

Điều 34. Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu, bia